Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

FireAnt

Ngày 31/03/2024	25,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.0%	**4.3%**	**5.6%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	17,182 - 29,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13,629
Số lượng CPLH (CP)	534,465,514
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,514,975
Sở hữu nước ngoài	10.8%
Beta	1.68
EPS	1,543
P/E	16.5

DT thuần
Q1/24
2,650
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1,140| -30.1%
YoY: ▲ 685| 34.9%

LN trước thuế
Q1/24
568
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 429| 309%
YoY: ▲ 530| 1383%

LN sau thuế
Q1/24
483
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 351| 266%
YoY: ▲ 464| 2467%

ROA
2023
1.3%
+/- YoY: ▼ 1.2%

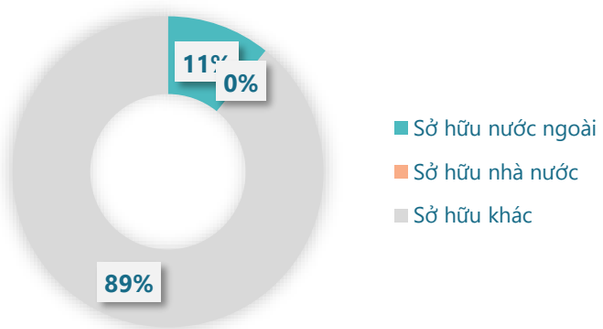
DT thuần
2023
12,704
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4,251| 50.3%

LN trước thuế
2023
556
tỷ VNĐ
YoY: ▼429| -43.6%

LN sau thuế
2023
396
tỷ VNĐ
YoY: ▼535| -57.4%

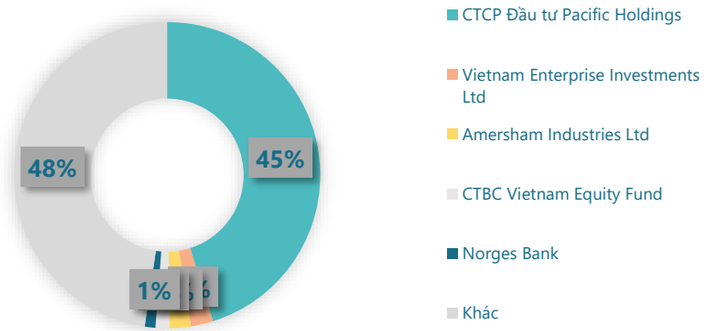
ROE
2023
4.0%
+/- YoY: ▼ 5.0%

Cơ cấu sở hữu



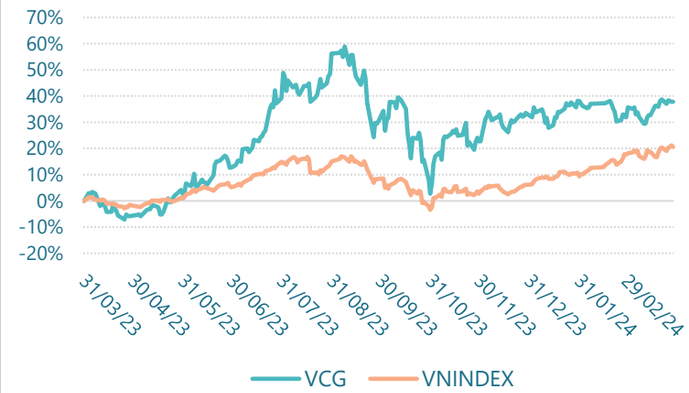
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

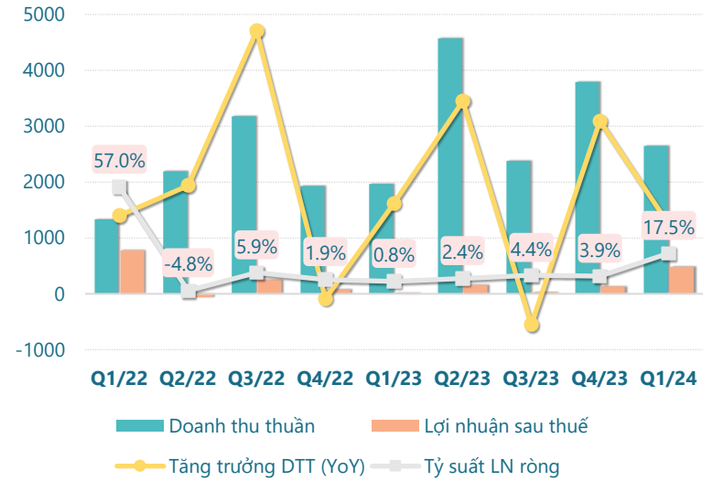
Tỷ suất lợi nhuận



Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

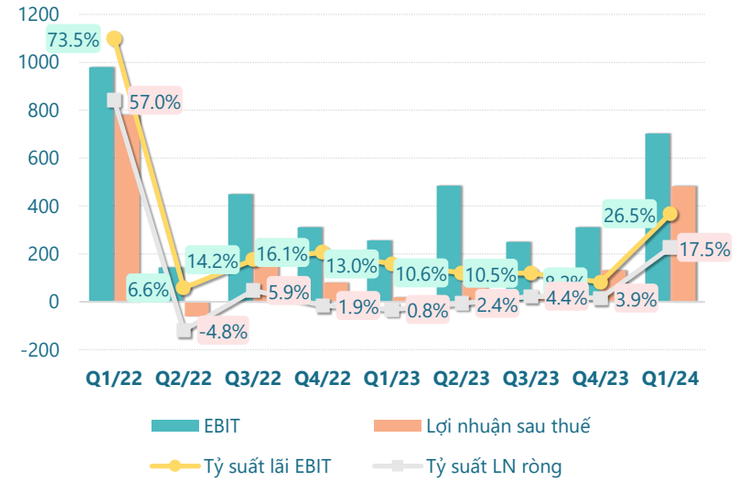
FireAnt

Kết quả kinh doanh



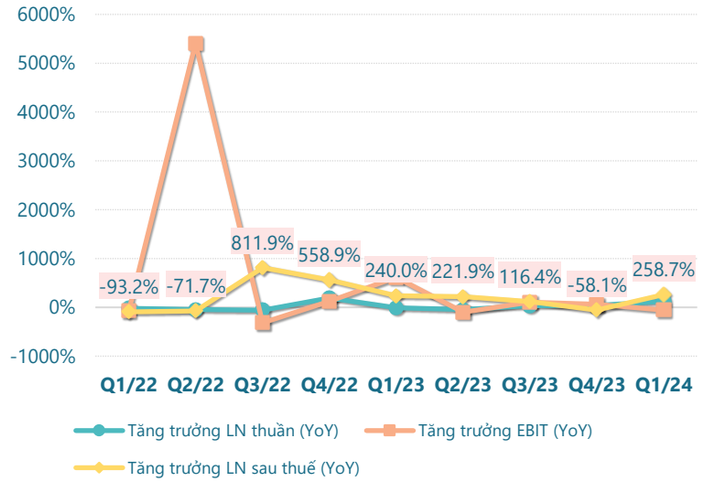
(Nguồn: fireant.vn)

EBIT - Lợi nhuận sau thuế



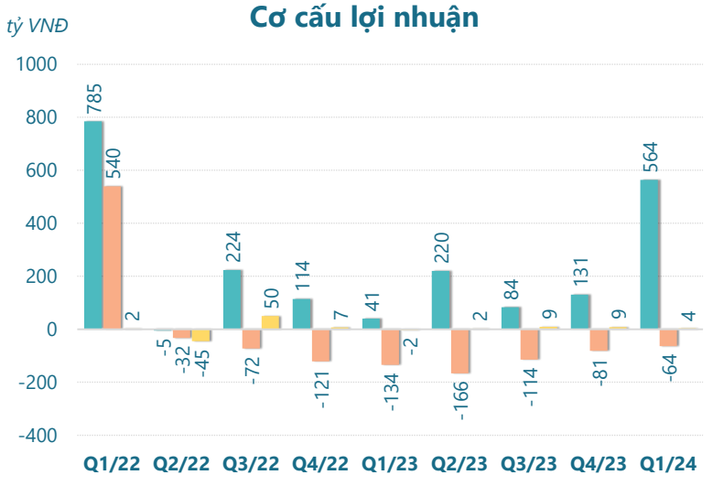
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



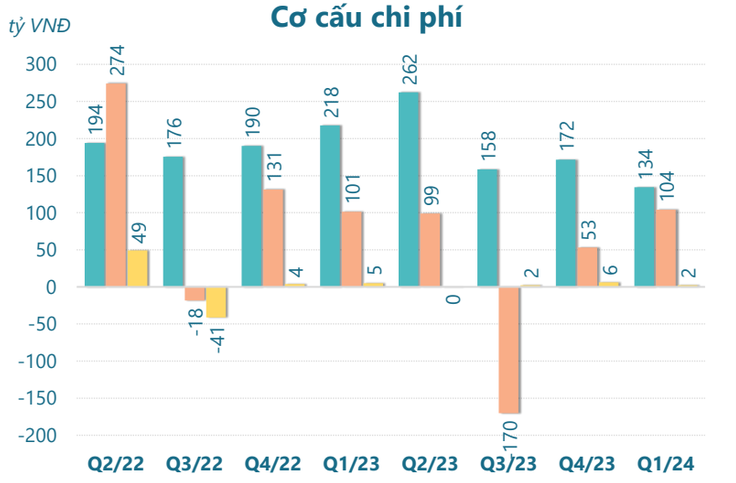
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu lợi nhuận



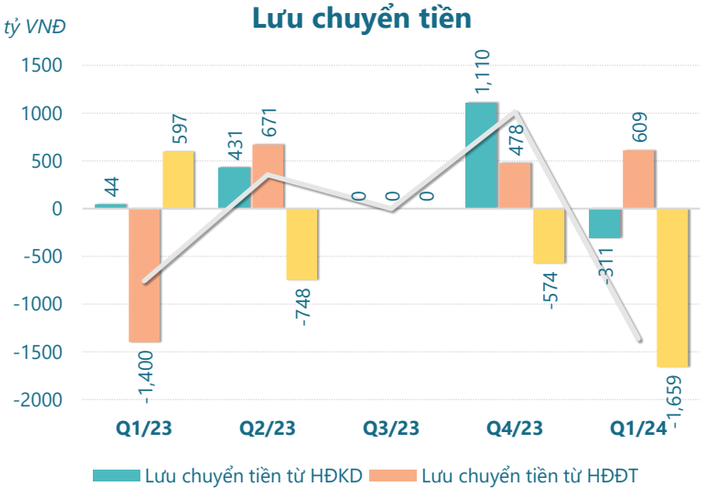
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu chi phí



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

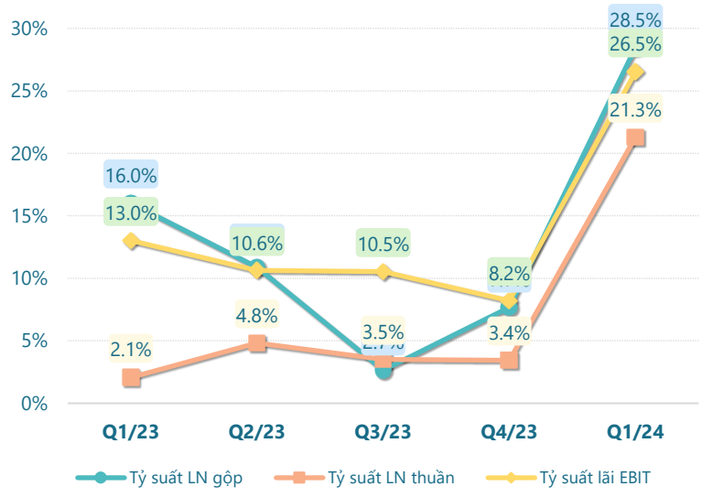


(Nguồn: fireant.vn)

Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

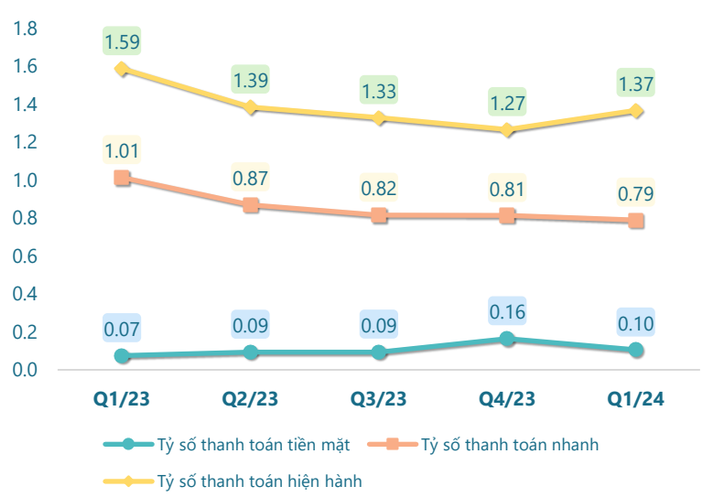
FireAnt

Tỷ suất lợi nhuận



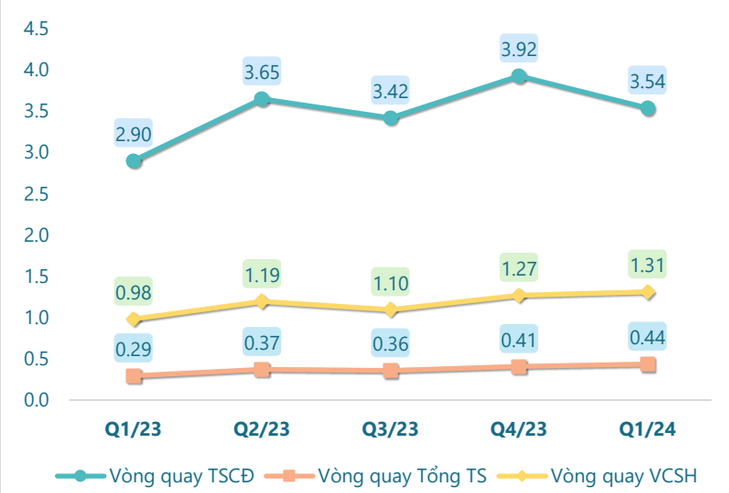
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



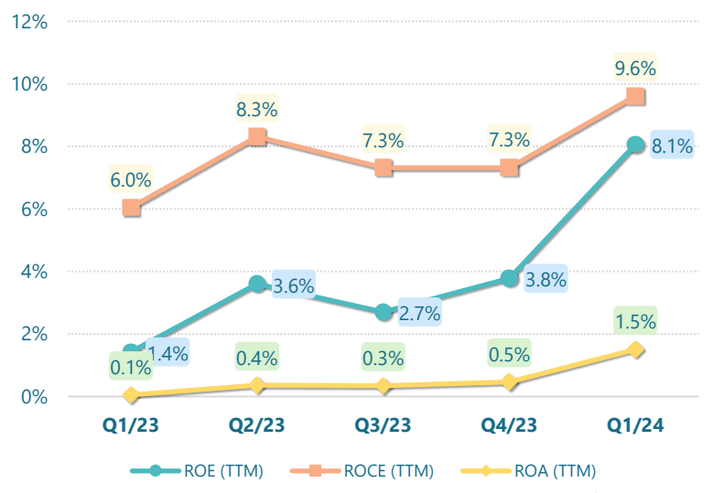
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



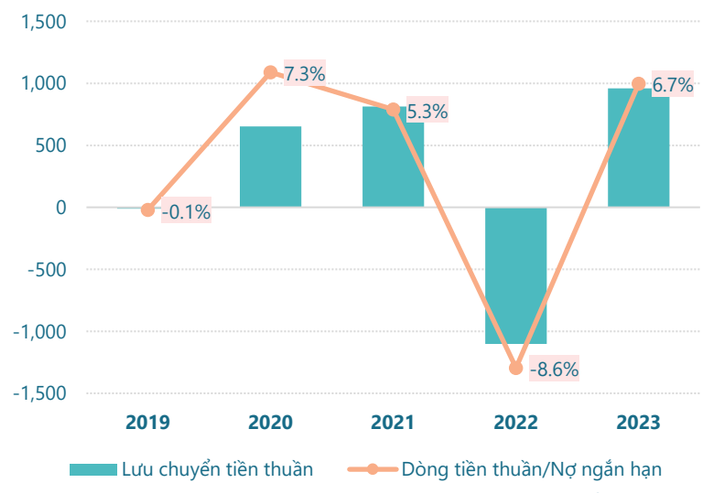
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



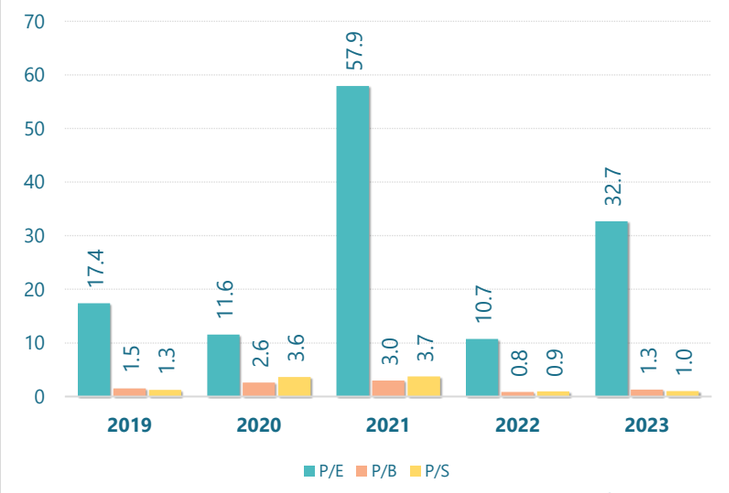
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)